

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9 -2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Kim Đó**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Huỳnh Thị Châu**

2. Ông **Trọng Văn Cẩm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Quách Thị Khuyến** - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:** bà **Ngô Phương Hoàng Giang**, kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐST-DS, ngày 04/9/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Huyền T**; sinh năm 1988.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Chị T và anh T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Thành T được tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2006 tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 21/11/2006 thì được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, khi say xin anh T thường đánh đập chị T, nhiều lần chị T khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không sửa đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2017 chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện T, nhưng vì thương con còn nhỏ và anh T cũng hứa sửa đổi, không uống

rượu nên chị T đã rút đơn kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án số 61/2017/QĐST- DS, ngày 07/03/2017. Sau khi rút đơn kiện chị T và anh T vẫn sống riêng, anh T vẫn tiếp tục uống rượu nên chị không về đoàn tụ và sống ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2019 chị T tiếp tục khởi kiện xin ly hôn với anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ không có, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung: Cháu Nguyễn Thành Gia H, sinh ngày 23/8/2007; Nguyễn Thành Gia N, sinh ngày 23/7/2010; Nguyễn Hoàng Gia B; sinh ngày 14/7/2014.

Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu H, cháu N cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hiện chị T có công việc ổn định làm tóc và chăm sóc da, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con tốt về mọi mặt.

Về tài sản chung; nợ chung: chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### ***Bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày***

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và hoàn cảnh kết hôn theo như chị T khai là đúng. Anh T và chị T được tự nguyện tìm hiểu, yêu thương năm 2006 thì chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của anh T.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau, vợ chồng chung sống thiếu sự quan tâm chia sẻ dẫn đến mâu thuẫn làm cho đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Cũng trong năm 2016 thì anh T và chị T sống ly thân. Năm 2017 thì chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, nhưng sau đó chị T rút đơn kiện, vợ chồng đoàn tụ chung sống vẫn không hạnh phúc.

Trước Tòa án chị T xin ly hôn anh T thuận tình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung; gồm Nguyễn Thành Gia H; sinh ngày 23/8/2007; Nguyễn Thành Gia N; sinh ngày 23/10/2010; Nguyễn Hoàng Gia B; sinh ngày 14/7/2014. Khi ly hôn anh T có yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung là cháu H; cháu N; cháu B, chị T có yêu cầu nuôi dưỡng cháu B anh T không đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T không yêu cầu, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), anh T có ý kiến anh không nhận chị T có cho tiền riêng các con thì chị cứ cho.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B; sinh ngày 14/7/2014, cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu H, cháu N cho anh T nuôi dưỡng,

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không điều chỉnh.

Chị T và anh T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Xét quan hệ hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2006, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên hôn nhân của chị T và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của chị T và anh T cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về tài sản chung, nợ chung chị T và anh T không có tranh chấp nên Tòa án áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa chị T và anh T điều xác định đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, chị T và anh T xin thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 55 của luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh .

**[3] Xét về nuôi con chung:** Chị T và anh T có lời khai thống nhất, vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thành Gia H; sinh ngày 23/8/2007; Nguyễn Thành Gia N; sinh ngày 23/10/2010; Nguyễn Hoàng Gia B; sinh ngày 14/7/2014.

Tại phiên tòa chị T đồng ý giao cháu H, cháu N cho anh T nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu N muốn sống cùng với anh T đồng thời cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Hoàng Gia B, chị T và anh T đều tranh chấp quyền nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh T đều có việc làm và thu nhập ổn định, anh T đã trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu H và N, lý do anh không đồng ý giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng là vì anh sợ chị T tái hôn không chăm sóc tốt cho con. Xét lời khai của anh T không có cơ sở chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung, giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với anh T, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị T, anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**[4] Xét về chia tài sản; nợ chung:** Chị T và anh T không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

**[5 ] Về án phí:** Anh T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị Trang phải nộp 450.000đ án phí được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí tại biên lai thu số 001790 ngày 04/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị T còn phải nộp thêm 150.000đ án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thành T.

2. Về nuôi con chung:

Tuyên xử: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B; sinh ngày 14/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Nguyễn Thành Gia H; sinh ngày 23/8/2007; Nguyễn Thành Gia N; sinh ngày 23/10/2010, cho anh Nguyễn Thành T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho cháu H, cháu N cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định được ban hành và anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị T, anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản; nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị T phải nộp 450.000đ án phí được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí tại biên lai thu số 001790 ngày 04/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị T còn phải nộp thêm 150.000đ tiền án phí là đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã Lộ 25 ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Kim Đó**